CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231241**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA1** – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 1
   (X: 1237631.8N; Y: 592854.9E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,8	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	14	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,28	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20°C)	mg/l	6	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	12	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	8	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,9	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,22	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	0,84	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	93	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	0,52	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	130	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl^-.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax:** 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231242**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA2** – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 1 trước khi xả ra suối (X: 1237633.5N; Y: 592859.2E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,6	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	14	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,45	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	12	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	23	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	8	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	8,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,30	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	0,87	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	$4,6 \times 10^2$	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	0,56	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	137	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231243**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA3** – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 3
   (X: 1230617.7N; Y: 591912.2E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,3	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	23	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,31	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	7	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	15	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	9	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	6,6	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,27	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	0,98	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	93	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	0,30	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	68,1	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl^-.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231244**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA4** – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 3 trước khi xả ra suối Bà Tươi (X: 1231403.4N; Y: 591304.7E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,5	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,60	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	8	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	17	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	12	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,34	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	1,4	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	$4,6 \times 10^2$	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	0,46	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	135	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231245**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA5** – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 4
   (X: 1230656.9N; Y: 592058.1E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,6	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	28	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,51	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20°C)	mg/l	13	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	29	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	8,3	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,23	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	0,86	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	43	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	0,36	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	135	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl⁻.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN⁻.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231246**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA6** – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 4 trước khi xả ra suối Cầu Đúc (X: 1230612.3N; Y: 592038.1E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,4	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	23	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	8,26	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	12	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	26	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	14	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	8,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,31	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	1,1	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	$4,6 \times 10^2$	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	0,40	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	142	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231247**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA7** – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Gain Lucky (X: 1233117.8N; Y: 590668.2E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,6	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	30	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,82	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	13	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	27	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	5,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,29	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	1,1	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	$2,4 \times 10^2$	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	0,31	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	50,3	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl⁻.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN⁻.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231248**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA8** – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Brotex
   (X: 1234006.6N; Y: 591502.1E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,6	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	22	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	8,52	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	10	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	22	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	12	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,4	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,25	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	1,2	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	43	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	89,3	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl^-.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231249**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA9** – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Dệt sợi Continental (X: 1230681.2N; Y: 592422.3E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,7	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	16	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	8,35	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20°C)	mg/l	24	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	45	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	16	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	10,9	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,22	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	0,98	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	23	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	1,2	SMEWW 4500-F⁻.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	169	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl⁻.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN⁻.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231250**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA10** – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty New Wide (X: 1231008.8N; Y: 591745.5E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,4	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	8,23	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	7	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	15	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	18	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	8,6	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,12	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	1,4	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	93	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	138	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl⁻.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231251**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA11** – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Lian Ta Hsing (X: 1233357.4N; Y: 589917.0E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,4	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	19	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,40	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	13	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	29	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,34	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	1,6	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	$1,1 \times 10^3$	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	11,9	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl^-.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231252**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : **NTA12** – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Hailide (X: 1233118.1N; Y: 590672.5E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	^0C	27,4	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	16	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	8,32	TCVN 6492:2011
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	9	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	20	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	19	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	10,4	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	0,51	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	1,2	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F^-)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
23	Clorua (Cl^-)	mg/l	52,2	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl^-.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1µg/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231253**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải
3. **Thông tin mẫu** : **BT1** - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 1 (X: 1237583.9N; Y: 592927.7E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,187	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,21	-	**2 – 12,5**	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	0,90	0,36	**9,11**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	**22,8**	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	**2,28**	
6	Chì (Pb)	ppm	21,1	0,23	**68,3**	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	**4,55**	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	**455**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	**364**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
10	Kẽm (Zn)	ppm	102	2,74	**1138**	
11	Niken (Ni)	ppm	72,4	3,53	**319**	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	**0,91**	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})	ppm	KPH	3,0	**22,8**	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	**134**	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	**50** (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	**4553**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	**2,28**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	**4553**	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	**319**	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	**228**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231254**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải
3. **Thông tin mẫu** : **BT2** - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 3 (X: 1230654.3N; Y: 592137.7E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,206	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,63	-	**2 – 12,5**	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	**9,8**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	**24,6**	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	**2,46**	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	**73,7**	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	**4,91**	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	**491**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	**393**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
10	Kẽm (Zn)	ppm	61,1	2,74	**1229**	
11	Niken (Ni)	ppm	52,8	3,53	**344**	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	**0,98**	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})	ppm	KPH	3,0	**24,6**	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	**145**	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	**50** (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	**4914**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	**2,46**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	**4914**	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	**344**	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	**246**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231255**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải
3. **Thông tin mẫu** : **BT3** - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 4 (X: 1230692.4N; Y: 592044.2E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,218	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,23	-	**2 – 12,5**	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	**10,3**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	**25,7**	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	**2,57**	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	**77,1**	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	**5,14**	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	**514**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	**411**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
10	Kẽm (Zn)	ppm	42,4	2,74	**1286**	
11	Niken (Ni)	ppm	35,1	3,53	**360**	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	**1,03**	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})	ppm	KPH	3,0	**25,7**	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	**152**	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	**50** (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	**5142**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
						+ US EPA Method 8041A
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	**2,57**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	**5142**	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	**360**	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	**257**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231256**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải
3. **Thông tin mẫu** : **BT4** - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Nước cấp 1 (X: 1235436.2N; Y: 593692.5E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,175	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,80	-	**2 – 12,5**	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	**8,65**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	**21,6**	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	**2,16**	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	**64,9**	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	**4,33**	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	**433**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	**346**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
10	Kẽm (Zn)	ppm	14,2	2,74	**1081**	
11	Niken (Ni)	ppm	12,6	3,53	**303**	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	**0,87**	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})	ppm	KPH	3,0	**21,6**	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	**128**	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	**50** (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	**4325**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	**2,16**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	**4325**	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	**303**	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	**216**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231257**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG**
   Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải
3. **Thông tin mẫu** : **BT5** - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Nước cấp 2 (X: 123521.4N; Y: 593670.7E)
4. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,211	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,80	-	**2 – 12,5**	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	**10,0**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	**25,0**	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	**2,50**	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	**75,1**	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	**5,01**	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	6,61	**501**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	5,79	**401**	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
10	Kẽm (Zn)	ppm	12,4	2,74	**1252**	
11	Niken (Ni)	ppm	13,1	3,53	**351**	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	**1,00**	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})	ppm	KPH	3,0	**25,0**	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	**148**	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	**50** (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	**5009**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	**2,50**	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	**5009**	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	**351**	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	**250**	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **231258**

1. **Địa điểm lấy mẫu** : **KHU DÂN CƯ THUẬN LỢI**
   Địa chỉ: KCN Phước Đông, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
2. **Thông tin mẫu** : **NTB1** – Nước thải (X: 592771.9E; Y: 1237695.7N)
3. **Ngày lấy mẫu** : 13/03/2023
4. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn Khu công nghiệp Phước Đông (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,70	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5 (20°C)	mg/l	47	**150**	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	92	**250**	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	33	**150**	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	21,1	**40**	TCVN 6638:2000
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	1,3	**6**	SMEWW 4500-P.B&E:2017
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,9	**10**	TCVN 5988:1995
8	Coliform	MPN/100ml	$2,4 \times 10^3$	**5000**	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông